

ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
(Áp dụng đối với khoản vay tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân)

Số: [.]		Ngày ký: [.]	
I. BÊN CHO VAY:			
NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT			
Trụ sở	Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh		
GCN ĐKDN:	0301378892		
Đại diện	NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT – [.]¹		
Mã số:	0301378892 – [.]		
Địa chỉ:	[.]		
Do Ông/Bà:	[.]	Chức vụ: [.]	
Làm đại diện theo Văn bản Ủy quyền số [..], ngày [.]			
(sau đây gọi tắt là “BVBank”)			
II. BÊN VAY:			
Họ và tên:	[.]	Ngày sinh:	[.]
		Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ	
CC/CCCD số:	[.]	Ngày cấp:	[.]
		Nơi cấp:	[.]
Nơi thường trú:	[.]		
Địa chỉ liên hệ:	[.]		
Điện thoại:	[.]		
Email:	[.]		
Thông tin nghề nghiệp:			
Nghề nghiệp: [.]			
Chức vụ: [.]			
Thông tin tài chính:			
Thu nhập/tháng	Số tiền: [.]		
Chi phí/tháng	Số tiền: [.]		
Thông tin người có liên quan: (Thông tin người thân đang có quan hệ tín dụng tại BVBank)			
Họ và tên:[.]		Mối quan hệ: [.]	
CC/CCCD số:[.]		Ngày cấp:[.]	Nơi cấp:[.]

¹ Nếu Chi nhánh A đại diện ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng này thì ghi nội dung này là Chi nhánh A. Nếu Phòng giao dịch B trực thuộc chi nhánh A đại diện ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thì ghi nội dung này là Chi nhánh A – Phòng giao dịch B. Lưu ý: nếu Hội sở/TTKD đại diện ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng này, ĐV xóa bỏ toàn bộ trường thông tin “Đại diện”, “Mã số” và “địa chỉ” tại phần chủ thể. Xóa footnote này sau khi soạn thảo hoàn tất.

Điện thoại:[.]	Email:[.]	
Thông tin người tham chiếu (Thông tin về 2 cá nhân biết rõ về Bên Vay)		
Người tham chiếu 1:	Họ và tên:[.]	Quan hệ với Bên Vay:[.]
	Điện thoại liên hệ:[.]	
Người tham chiếu 2:	Họ và tên:[.]	Quan hệ với Bên Vay:[.]
	Điện thoại liên hệ:[.]	
III. THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ VAY		
1. Phương thức vay: ☐ Vay từng lần ☐ Vay theo hạn mức (sau đây gọi chung là vay theo hạn mức linh hoạt) 2. Đồng tiền vay và trả nợ: Đồng Việt Nam (VND). 3. Số tiền vay và nhận nợ: ☐ Trường hợp Vay từng lần: [.] (bằng chữ: [.]) ☐ Trường hợp Vay theo hạn mức linh hoạt: Tổng hạn mức tín dụng (“HMTD”) đề xuất là [.] (bằng chữ: [.]) 4. Thời hạn vay: ☐ Trường hợp vay từng lần: Thời hạn vay: [.] tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân cho đến thời điểm Bên Vay trả hết nợ gốc và lãi tiền vay (ngày đến hạn) theo Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng này. ☐ Trường hợp vay theo hạn mức linh hoạt: Thời hạn hiệu lực hạn mức: - Ngày bắt đầu hiệu lực hạn mức: [.] + Thời hạn duy trì HMTD là: [.] tháng kể từ ngày bắt đầu hiệu lực hạn mức. Theo đó, ngày kết thúc thời hạn duy trì HMTD là ngày [..]. Vào ngày cuối cùng của thời hạn duy trì hạn mức, Bên Vay cam kết không sử dụng hạn mức. + Trường hợp ngày kết thúc thời hạn duy trì HMTD là ngày nghỉ, ngày lễ mà BVBank không làm việc, Bên Vay đồng ý, thống nhất ngày kết thúc thời hạn duy trì HMTD sẽ là ngày làm việc tiếp theo của BVBank, trừ trường hợp BVBank có thông báo khác. - Ngày đến hạn thanh toán: Bên Vay đồng ý Ngày đến hạn thanh toán sẽ thực hiện theo thông báo của BVBank. Trường hợp ngày đến hạn là ngày nghỉ, ngày lễ mà BVBank không làm việc, Bên Vay thống nhất ngày đến hạn sẽ là ngày làm việc tiếp theo của BVBank, trừ trường hợp BVBank có thông báo khác. 5. Mục đích sử dụng vốn: ☐ Thanh toán tiền mua sắm trang thiết bị, nội thất, vật dụng dùng trong gia đình. ☐ Thanh toán tiền học phí ☐ Thanh toán tiền sinh hoạt phí ☐ Chi trả tiền du lịch ☐ Thanh toán tiền khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ☐ Tiêu dùng khác		

Bên Vay cam kết không sử dụng vốn vay cho các mục đích không được cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (như mua vàng miếng, gửi tiền, trả nợ khoản cấp tín dụng tại BVBank, tổ chức tín dụng khác....) và các mục đích trái pháp luật.

6. Biện pháp bảo đảm: thực hiện theo thỏa thuận tại (các) Hợp đồng bảo đảm được giao kết giữa BVBank và Bên Vay (nếu có).

7. Nguồn trả nợ:

- ☐ Thu nhập từ lương
- ☐ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh
- ☐ Thu nhập khác. Cụ thể: [.]

8. Hình thức giải ngân và nhận nợ:²

☐ **Trường hợp Vay từng lần:**

- Chuyển khoản tiền vay vào tài khoản bên thụ hưởng:

- + Số tài khoản: [.]
- + Chủ tài khoản: [.]
- + Tại ngân hàng: [.]
- + Số tiền: [.] (Bằng chữ: [.])
- + Nội dung: [.]

- Nhận tiền mặt:

- + Họ tên người nhận tiền: [.]
- + CC/CCCD/HC số: [.]
- + Số tiền: [.] (Bằng chữ: [.])
- + Nội dung: [.]

☐ **Trường hợp Vay theo hạn mức linh hoạt:**

Bên Vay đồng ý việc giải ngân và sử dụng tiền vay đối với HMTD sẽ được thực hiện theo Xác nhận chấp thuận hoặc thông báo khác của BVBank.

9. Lịch trả nợ: Thực hiện theo thông báo cụ thể của BVBank sau khi khoản vay được phê duyệt.

10. Lãi suất vay:³

☐ **Trường hợp Vay từng lần:**

a. Lãi suất vay trong hạn⁴:

[Phương án 1: Bên vay đồng ý lãi suất của toàn bộ dư nợ vay phát sinh nêu trên sẽ do BVBank quyết định điều chỉnh theo định kỳ [.] tháng/lần kể từ ngày [.] , với mức lãi suất bằng lãi suất cơ sở của BVBank tại thời điểm điều chỉnh + Biên độ [.] %/năm.

Nếu ngày điều chỉnh lãi suất là ngày nghỉ, ngày lễ mà BVBank không làm việc, Bên Vay đồng ý BVBank có quyền quyết định ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc tiếp theo của BVBank. Định kỳ điều chỉnh lãi suất không bắt buộc mà phụ thuộc vào quyết định của BVBank.

² Trường hợp có nhiều bên thụ hưởng thì có thể lập bảng kê danh sách thông tin bên thụ hưởng đính kèm Xóa footnote này sau khi soạn thảo hoàn tất.

³ Thực hiện theo hướng dẫn của Khối KHCN từng thời kỳ. Xóa footnote này sau khi soạn thảo hoàn tất.

⁴ Bộ phận soạn thảo lựa chọn phương án lãi suất theo thỏa thuận với Bên Vay và xóa phương án không sử dụng (xóa luôn cụm từ phương án 1/phương án 2/phương án 3). Cách trình bày nội dung này như sau: “a. Lãi suất cho vay trong hạn: [phương án lựa chọn]” (lưu ý viết liền mạch, không xuống dòng). Xóa footnote này sau khi soạn thảo hoàn tất.

Phương án 2: [...]%/năm, tính trên dư nợ gốc giảm dần và cố định trong suốt thời hạn vay.

Phương án 3: [...]%/năm, tính trên dư nợ gốc ban đầu và cố định trong suốt thời hạn vay.

- Ngoài ra, đối với lãi suất trên dư nợ gốc giảm dần (lãi suất tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế) được xác định bằng công thức quy đổi như sau: $L = 2n.a/(n+1)$. Trong đó, L: là lãi suất thực tế của khoản cho vay tính theo dư nợ gốc giảm dần (%/năm); n: là thời hạn cho vay của khoản cho vay (tháng); a: là lãi suất để tính số vốn và lãi định kỳ mà Bên vay phải trả cho BVBank (%/năm).
- Thời hạn tính lãi của khoản vay được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày đến hạn.
- Số tiền lãi của từng kỳ tính lãi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

Trong đó:

- ✓ Số dư thực tế là dư nợ cuối ngày tính lãi mà Bên vay còn phải trả cho BVBank (bao gồm toàn bộ dư nợ gốc trong hạn, dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả mà Bên vay còn phải trả theo Hợp đồng này).
 - ✓ Số ngày duy trì số dư thực tế là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.
 - ✓ Lãi suất tính lãi (Lãi suất vay): được tính theo tỷ lệ %/năm (01 năm là 365 ngày).]
- b. Phương pháp tính lãi: Bên Vay đồng ý BVBank sẽ tính lãi từ ngày BVBank giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày Bên Vay trả nợ theo thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng này và được tính theo công thức⁵:

[Phương án 1 và 2:

Số tiền lãi phải trả bằng (=) Dư nợ gốc thực tế nhân với (x) Lãi suất cho vay (%/năm) nhân với (x) Số ngày vay thực tế chia cho (:) 365.

Dư nợ gốc thực tế là số dư nợ gốc trong hạn và số dư nợ gốc quá hạn (nếu có) mà Bên Vay còn phải trả cho BVBank được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng này và quy định của pháp luật. Thời điểm xác định dư nợ gốc thực tế là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

Phương án 3:

Số tiền lãi phải trả bằng (=) Dư nợ gốc ban đầu nhân với (x) Lãi suất cho vay (%/năm) nhân với (x) Số ngày vay thực tế chia cho (:) 365.

Dư nợ gốc ban đầu là số dư nợ gốc mà BVBank giải ngân cho Bên Vay và được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng này và quy định của pháp luật. Thời điểm xác định dư nợ gốc ban đầu là ngày giải ngân khoản vay.]

Đối với các khoản vay mà thời hạn tính từ khi giải ngân khoản vay đến khi thanh toán hết khoản vay dưới 01 (một) ngày thì thời hạn tính lãi là 01 (một) ngày.

□ Trường hợp Vay theo hạn mức linh hoạt:

- Lãi suất tối đa là [...]%/năm, cố định trong suốt thời gian hiệu lực hạn mức.
- Phương thức tính lãi: theo Điều khoản và điều kiện vay hạn mức tiêu dùng linh hoạt dành cho khách hàng cá nhân được BVBank ban hành từng thời kỳ.

11. Phí trả nợ trước hạn, phí khác: Phí trả nợ trước hạn được tính bằng [...] % nhân (x) số tiền trả nợ trước hạn.

12. Phương thức trả nợ:

⁵ Bộ phận soạn thảo lựa chọn phương pháp tính lãi tương ứng với phương án mức lãi suất cho vay trong hạn đã chọn tại điểm a mục 9 bên trên và xóa nội dung không sử dụng (xóa luôn cụm từ phương án 1 và 2/phương án 3). Xóa footnote này sau khi soạn thảo hoàn tất.

☐ **Đối với Vay từng lần:**

- Ngày đến hạn thanh toán: ngày [...] hàng tháng
- Bên Vay trả nợ gốc và lãi cho BVBank, như sau⁶:
 - ☐ Trả nợ gốc đều hàng tháng, lãi theo dư nợ thực tế
 - ☐ Trả góp tổng số tiền (gốc và lãi) đều hàng tháng, lãi tính theo dư nợ thực tế
 - ☐ Trả nợ gốc đều hàng tháng, lãi theo dư nợ gốc ban đầu (add-on)

☐ **Đối với Vay theo hạn mức linh hoạt:**

- Ngày đến hạn thanh toán: ngày [...] hàng tháng.
- Số tiền thanh toán: thanh toán tối thiểu hoặc thanh toán toàn bộ dư nợ phát sinh.
- Phương thức thanh toán nợ vay:
 - ✓ Nộp tiền mặt tại quầy hoặc thanh toán chuyển khoản.
 - ✓ Trích nợ tự động từ tài khoản thanh toán của Bên Vay đăng ký tại BVBank. Đồng thời, Bên Vay đồng ý BVBank được toàn quyền trích chuyển số dư Có từ tài khoản được sử dụng HMTD (không bao gồm HMTD) chuyển sang tài khoản (trích nợ tự động) để thu hồi nợ vay.

Trong mọi trường hợp, Bên Vay cam kết trả hết nợ gốc, phí, lãi vào ngày cuối cùng của thời hạn hiệu lực hạn mức.

13. Nợ quá hạn: thực hiện theo quy định của BVBank và pháp luật.

IV. XÁC NHẬN VÀ CAM KẾT CỦA BÊN VAY

Bằng việc ký tên dưới đây, Bên Vay xác nhận và cam kết rằng:

1. Các thông tin nêu tại Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng này là chính xác, cập nhật và đầy đủ, đúng sự thật. Bên Vay đồng ý để BVBank xác thực các thông tin nêu trên từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà BVBank có được.
2. Đồng ý cho BVBank được sử dụng các thông tin cá nhân (bao gồm cả hình ảnh), thông tin về giao dịch, thông tin về việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Bên Vay tại Bên thứ ba (tổ chức, cá nhân khác) do Bên thứ ba hoặc bên bất kỳ cung cấp để chấm điểm, thẩm định, quyết định cấp tín dụng và/hoặc phê duyệt các sản phẩm, dịch vụ đăng ký cho Bên Vay cũng như xây dựng/phát triển các sản phẩm, dịch vụ của BVBank. Khi được Bên thứ ba hoặc bên bất kỳ cung cấp thông tin, BVBank được xem như việc cung cấp này đã phù hợp với thỏa thuận giữa Bên thứ ba/bên bất kỳ và Bên Vay. BVBank không có nghĩa vụ phải xác minh thẩm quyền cung cấp thông tin nêu trên của Bên thứ ba/bên bất kỳ.
3. Hợp đồng cho vay/sử dụng sản phẩm, dịch vụ giữa Bên Vay và BVBank được tạo lập bởi Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng này và Xác nhập chấp thuận của BVBank và Điều Khoản và Điều Kiện vay tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân / Điều Khoản và Điều Kiện vay hạn mức tiêu dùng linh hoạt dành cho Khách hàng cá nhân, được gọi chung là Hợp đồng (Thỏa thuận). Trong mọi trường hợp, Bên Vay đồng ý rằng, bằng việc sử dụng vốn vay (vốn vay đã được giải ngân cho Bên Vay và/hoặc Bên thụ hưởng do Bên Vay chỉ định hoặc HMTD Bên Vay được sử dụng), Bên Vay xác nhận và đồng ý chịu ràng buộc nghĩa vụ với BVBank theo toàn bộ nội dung Hợp đồng (Thỏa thuận) được giao kết giữa Bên Vay và BVBank theo phương thức nêu tại Khoản này.
4. Đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ, hiểu rõ và đồng ý, cam kết tuân thủ theo các điều kiện và điều khoản tại Điều Khoản và Điều Kiện vay tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân / Điều Khoản và Điều Kiện vay hạn mức tiêu dùng linh hoạt dành cho Khách hàng cá nhân được BVBank niêm yết công khai trên website <https://www.bvbank.net.vn>, tại Quầy giao dịch và trên các phương tiện khác theo quy định của BVBank từng thời kỳ. Điều Khoản và Điều Kiện vay tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân / Điều Khoản và Điều Kiện vay hạn mức tiêu dùng linh hoạt dành cho Khách hàng cá nhân là một phần không tách rời của Hợp đồng (Thỏa thuận) giao kết giữa Bên Vay và BVBank. Bên Vay đồng ý rằng các điều khoản của Điều Khoản và Điều Kiện vay tiêu dùng dành

⁶ Bộ phận soạn thảo thực hiện chọn ô bằng cách đánh dấu ☒

cho Khách hàng cá nhân / Điều Khoản và Điều Kiện vay hạn mức tiêu dùng linh hoạt dành cho Khách hàng cá nhân đã bảo đảm được sự bình đẳng giữa Bên Vay và BVBank trong các giao dịch về sản phẩm, dịch vụ này; khi Bên Vay chấp nhận ký vào Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng này thì coi như Bên Vay đã chấp nhận các điều khoản, điều kiện tại Điều Khoản và Điều Kiện vay tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân / Điều Khoản và Điều Kiện vay hạn mức tiêu dùng linh hoạt dành cho Khách hàng cá nhân, bao gồm cả các điều khoản về miễn trách nhiệm của mỗi bên, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bất kỳ bên nào.

5. Các yêu cầu của Bên Vay về Số tiền cho vay, Thời hạn cho vay, Lãi suất cho vay được nêu tại Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng này chỉ là đề xuất của Bên Vay để BVBank xem xét. Số tiền cho vay, Thời hạn cho vay, Lãi suất cho vay và các nội dung khác liên quan tới khoản vay sẽ được quyết định sau khi BVBank thẩm định các điều kiện vay vốn của Bên Vay và được nêu chi tiết, cụ thể tại Xác nhận chấp thuận của BVBank. Bên Vay đồng ý rằng, nếu nội dung Xác nhận chấp thuận của BVBank khác với nội dung mà Bên Vay đề nghị thì nội dung Xác nhận chấp thuận của BVBank sẽ có giá trị áp dụng và được coi là thỏa thuận chính thức giữa Bên Vay và BVBank. BVBank sẽ thông báo cho Bên Vay về nội dung khoản vay được phê duyệt thông qua một hoặc một số phương thức sau: văn bản, gọi điện thoại (có ghi âm), gửi tin nhắn qua điện thoại (bao gồm cả trường hợp nội dung tin nhắn có chứa đường dẫn kết nối tới hệ thống của BVBank để xác nhận khoản vay được BVBank phê duyệt), gửi email hoặc các phương thức khác do BVBank triển khai từng thời kỳ. Bên Vay phải xác nhận đồng ý/không đồng ý vay vốn qua điện thoại (nếu BVBank thông báo qua điện thoại), hoặc bằng văn bản (nếu BVBank thông báo bằng văn bản), hoặc bằng việc điền thông tin (nếu có) và xác nhận trên đường dẫn kết nối tới hệ thống của BVBank (nếu BVBank có yêu cầu xác nhận thông qua đường dẫn kết nối tới hệ thống của BVBank) hoặc xác nhận bằng email (nếu BVBank thông báo qua email).
6. Trường hợp Bên Vay có (các) khoản vay khác tại BVBank mà khoản vay đó được Bên Vay tắt toán hoặc bị BVBank thu hồi nợ trước hạn, Bên Vay cam kết sẽ thực hiện thủ tục tắt toán khoản vay theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng này trước hoặc đồng thời với (các) khoản vay đó, trừ trường hợp BVBank có thông báo hoặc quy định khác.
7. Xác nhận và cam kết khác (nếu có):

V. PHẦN GHI NHẬN THÔNG TIN CỦA BVBank

- Bên Vay: là cá nhân có các thông tin nêu trên thuộc Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng này.
 - Căn cứ Hồ sơ Đề nghị của Bên Vay, BVBank đã đánh giá sơ bộ năng lực thực hiện khoản vay của Bên Vay và ghi nhận các thông tin đề nghị về khoản vay với các nội dung sau đây:
1. Thông tin khoản vay: Ghi nhận thông tin đề nghị của Bên Vay đối với phương thức vay, số tiền vay, thời hạn vay, mục đích sử dụng vốn vay, biện pháp bảo đảm, nguồn thu nhập trả nợ, hình thức giải ngân và nhận nợ, lãi suất vay, phương thức tính lãi, phương thức trả nợ và các thông tin khác tại Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng này.
 2. Chi tiết cụ thể Số tiền vay, Thời hạn vay, Lãi suất vay, Phương thức tính lãi, Biện pháp bảo đảm, Lịch trả nợ và các nội dung khác của khoản vay: sau khi khoản vay của Bên Vay được cấp có thẩm quyền của BVBank phê duyệt, BVBank sẽ thông báo cho Bên Vay qua các phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu như cuộc gọi điện thoại, gửi thư điện tử, gửi tin nhắn SMS, các ứng dụng nhắn tin (zalo, messenger, viber...), các thông báo trên ứng dụng ngân hàng điện tử của BVBank hoặc các phương thức khác do BVBank triển khai từng thời kỳ trước khi giải ngân.

VI. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng và Xác nhận chấp thuận của BVBank và Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân / Điều khoản và Điều kiện vay hạn mức tiêu dùng linh hoạt dành cho Khách hàng cá nhân tạo thành Hợp đồng (Thỏa thuận) cho vay giữa BVBank và Bên Vay, được xác lập theo các phương thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và theo nhu cầu, điều kiện của Các Bên. Trường hợp thực hiện

⁷ Xóa nếu không áp dụng. Xóa footnote này sau khi hoàn tất dự thảo.

thông qua phương tiện điện tử, Bên Vay và BVBank sử dụng chữ ký điện tử, các hình thức xác thực bằng phương tiện điện tử để ký, xác lập giao dịch phù hợp các quy định pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hợp đồng (Thỏa thuận) cho vay có hiệu lực từ thời điểm được BVBank phê duyệt cho đến ngày Bên Vay hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ cho BVBank.
3. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp đồng này và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung/Phụ lục hợp đồng sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Phía Nam (STAC) hoặc Trung tâm Trọng tài Thương nhân Việt Nam (VTA) hoặc Trung tâm trọng tài thương mại khác hoặc tại Tòa án có thẩm quyền tùy theo sự lựa chọn của BVBank.

Trường hợp BVBank lựa chọn Trung tâm trọng tài giải quyết tranh chấp, Các Bên thỏa thuận:

- Trung tâm trọng tài cụ thể và địa điểm giải quyết tranh chấp: Theo sự lựa chọn của BVBank.
- Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp tuân theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài được BVBank lựa chọn. Việc giải quyết tranh chấp tại Trung tâm trọng tài sẽ được thực hiện theo thủ tục thông thường hoặc thủ tục rút gọn quy định tại Quy tắc tổ tụng của Trung tâm trọng tài đó theo sự lựa chọn của BVBank.
- Số lượng trọng tài viên: 01 Trọng tài viên duy nhất do Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định.
- Ngôn ngữ sử dụng giải quyết tranh chấp là tiếng Việt, luật áp dụng giải quyết tranh chấp là pháp luật Việt Nam.

VII. CHỮ KÝ CỦA BÊN VAY VÀ THÔNG TIN ĐĂNG KÝ SỐ ĐIỆN THOẠI, EMAIL

Trường hợp Bên Vay chưa đăng ký chữ ký mẫu tại BVBank, Bên Vay đồng ý rằng chữ ký của Bên Vay tại phần này sẽ đồng thời là chữ ký mẫu mà Bên Vay sẽ sử dụng trên chứng từ giao dịch được thực hiện trực tiếp tại BVBank.

Chữ ký 1	Chữ ký 2
Họ và tên: Email:	Điện thoại di động: Ngày ký:

VIII. XÁC NHẬN TIẾP NHẬN HỒ SƠ CỦA BVBank

Ngày:	
Nhân viên thực hiện (Ký, ghi rõ Họ tên)	Nhân viên kiểm soát (Ký, ghi rõ Họ tên)

Trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ Họ tên và đóng dấu)

XÁC NHẬN CHẤP THUẬN CỦA BVBank⁸

Trên cơ sở Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số [...] (sau đây gọi chung là “Giấy đề nghị”), BVBank đã tiến hành thẩm định và đồng ý cấp tín dụng cho Khách hàng [...], Giấy tờ tùy thân số [...] (sau đây gọi là “**Bên Vay**”) sản phẩm, dịch vụ với thông tin chi tiết như sau:

1. Phương thức cho vay, Số tiền cho vay, Đồng tiền cho vay, Thời hạn cho vay, Mục đích sử dụng tiền vay, Biện pháp bảo đảm, Lãi suất cho vay, Phương thức tính lãi và Kỳ hạn trả nợ:

a. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.

b. Số tiền cho vay: [...] đồng.

Số tiền cho vay nêu trên là tổng số tiền cho vay đối với các mục đích vay vốn như nêu tại Giấy Đề nghị. Số tiền cho vay đối với từng mục đích vay vốn cụ thể là số tiền BVBank thực tế giải ngân theo phương thức mà Bên Vay đã đề nghị tại Giấy Đề nghị.

c. Thời hạn cho vay: [...], từ ngày tiếp theo của ngày BVBank giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên Vay, ngày giải ngân là ngày [...], ngày kết thúc thời hạn vay là ngày [...].

d. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày [...] / [...] / [...]

e. Đồng tiền cho vay, trả nợ: Việt Nam đồng

f. Mục đích sử dụng vốn vay:

- ☐ Thanh toán tiền mua sắm trang thiết bị, nội thất, vật dụng dùng trong gia đình.
- ☐ Thanh toán tiền học phí
- ☐ Thanh toán tiền sinh hoạt phí
- ☐ Chi trả tiền du lịch
- ☐ Thanh toán tiền khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe
- ☐ Tiêu dùng khác

Bên Vay có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và BVBank về mục đích sử dụng vốn vay của mình.

g. Biện pháp bảo đảm: quy định tại Điều Khoản và Điều Kiện vay tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân.

h. Phương thức giải ngân: Giải ngân một lần toàn bộ Số tiền cho vay theo yêu cầu của Bên Vay tại Giấy đề nghị.

i. Lãi suất cho vay trong hạn⁹: [...]

[Phương án 1:%/năm tại thời điểm giải ngân, Lãi suất của toàn bộ dư nợ vay phát sinh nêu trên sẽ do BVBank quyết định điều chỉnh theo định kỳ tháng/lần kể từ ngày, với mức lãi suất bằng lãi suất cơ sở của BVBank tại thời điểm điều chỉnh + Biên độ..... %/năm.

Nếu ngày điều chỉnh lãi suất là ngày nghỉ, ngày lễ mà BVBank không làm việc thì BVBank có quyền quyết định ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc tiếp theo của BVBank. Định kỳ điều chỉnh lãi suất không bắt buộc mà phụ thuộc vào quyết định của BVBank.

Phương án 2:%/năm tại thời điểm giải ngân, tính trên dư nợ gốc giảm dần và cố định trong suốt thời hạn vay.

Phương án 3:%/năm tại thời điểm giải ngân, tính trên dư nợ gốc ban đầu và cố định trong suốt thời hạn vay.

- Ngoài ra, đối với lãi suất trên dư nợ gốc giảm dần (lãi suất tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế) được xác định bằng công thức quy đổi như sau: $L = 2n.a/(n+1)$. Trong đó, L: là lãi

⁸ Đối với Vay từng lần, sử dụng mẫu Xác nhận chấp thuận này của BVBank

⁹ Bộ phận soạn thảo lựa chọn phương án lãi suất theo thỏa thuận với Bên Vay và xóa phương án không sử dụng (xóa luôn cụm từ phương án 1/phương án 2/phương án 3). Cách trình bày nội dung này như sau: “a. Lãi suất cho vay trong hạn: [phương án lựa chọn]” (lưu ý viết liền mạch, không xuống dòng). Xóa footnote này sau khi hoàn tất dự thảo.

suất thực tế của khoản cho vay tính theo dư nợ gốc giảm dần (%/năm); n: là thời hạn cho vay của khoản cho vay (tháng); a: là lãi suất để tính số vốn và lãi định kỳ mà Bên vay phải trả cho BVBank (%/năm).

- Thời hạn tính lãi của khoản vay được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày đến hạn.
- Số tiền lãi của từng kỳ tính lãi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

Trong đó:

- ✓ Số dư thực tế là dư nợ cuối ngày tính lãi mà Bên vay còn phải trả cho BVBank (bao gồm toàn bộ dư nợ gốc trong hạn, dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả mà Bên vay còn phải trả theo Hợp đồng này).
- ✓ Số ngày duy trì số dư thực tế là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.
- ✓ Lãi suất tính lãi (Lãi suất vay): được tính theo tỷ lệ %/năm (01 năm là 365 ngày).]

j. **Phương pháp tính lãi:** BVBank tính lãi từ ngày BVBank giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày Bên Vay trả nợ theo thỏa thuận và được tính theo công thức¹⁰:

[Phương án 1 và 2:

Số tiền lãi phải trả bằng (=) Dư nợ gốc thực tế nhân với (x) Lãi suất cho vay (%/năm) nhân với (x) Số ngày vay thực tế chia cho (:) 365.

Dư nợ gốc thực tế là số dư nợ gốc trong hạn và số dư nợ gốc quá hạn mà Bên được cấp tín dụng còn phải trả cho BVBank được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật. Thời điểm xác định dư nợ gốc thực tế là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

Phương án 3:

Số tiền lãi phải trả bằng (=) Dư nợ gốc ban đầu nhân với (x) Lãi suất cho vay (%/năm) nhân với (x) Số ngày vay thực tế chia cho (:) 365.

Dư nợ gốc ban đầu là số dư nợ gốc mà BVBank giải ngân cho Bên Vay và được sử dụng để tính lãi theo Xác nhận chấp thuận này và quy định của pháp luật. Thời điểm xác định dư nợ gốc ban đầu là ngày giải ngân khoản vay.]

Đối với các khoản vay mà thời hạn tính từ khi giải ngân khoản vay đến khi thanh toán hết khoản vay dưới 01 (một) ngày thì thời hạn tính lãi là 01 (một) ngày.

k. Lịch trả nợ: được BVBank thông báo cụ thể cho Bên Vay thông qua một hoặc một số phương thức thông báo quy định tại Giấy đề nghị, Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân.

2. **Các nội dung chấp thuận khác¹¹:** Bên Vay phải thực hiện thủ tục tắt toán toàn bộ khoản vay theo Xác nhận chấp thuận này trước hoặc đồng thời với việc Bên Vay thực hiện tắt toán hoặc bị BVBank thu hồi nợ trước hạn đối với bất kỳ khoản vay nào khác tại BVBank, trừ trường hợp BVBank có thông báo hoặc quy định khác.

3. Các nội dung khác liên quan tới khoản vay của Bên Vay không được đề cập tại Giấy Đề nghị và Xác nhận chấp thuận này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân.

Ngày: [.]

Đại diện BVBank

(Ký, Ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹⁰ Bộ phận soạn thảo lựa chọn phương pháp tính lãi tương ứng với phương án mức lãi suất cho vay trong hạn đã chọn tại điểm f nêu trên và xóa nội dung không sử dụng (xóa luôn cụm từ phương án 1 và 2/phương án 3). Xóa footnote này sau khi soạn thảo hoàn tất.

¹¹ Bổ sung các nội dung khác theo phê duyệt (nếu có). Xóa footnote này sau khi hoàn tất dự thảo.

XÁC NHẬN CHẤP THUẬN CỦA BVBank¹²

Trên cơ sở Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số [...] (sau đây gọi chung là “Giấy đề nghị”), BVBank đã tiến hành thẩm định và đồng ý cấp tín dụng cho Khách hàng [...], Giấy tờ tùy thân số [...] (sau đây gọi là “**Bên Vay**”) sản phẩm, dịch vụ với thông tin chi tiết như sau:

1. Phương thức cho vay, Số tiền cho vay, Đồng tiền cho vay, Thời hạn cho vay, Mục đích sử dụng tiền vay, Biện pháp bảo đảm, Lãi suất cho vay và Kỳ hạn trả nợ:

- a. Phương thức cho vay: Cho vay hạn mức (sau đây gọi chung là vay theo hạn mức linh hoạt) .
- b. Tổng hạn mức tín dụng (HMTD): [...] đồng.
- c. Thời hạn hiệu lực hạn mức:
 - Ngày bắt đầu hiệu lực hạn mức: [...]
 - Thời hạn duy trì HMTD là: [...] tháng kể từ ngày bắt đầu hiệu lực hạn mức. Theo đó, ngày kết thúc thời hạn duy trì HMTD là ngày [...]. Vào ngày cuối cùng của thời hạn duy trì hạn mức, Bên Vay không được sử dụng hạn mức.
- d. Thời hạn cho vay: không vượt quá thời hạn hiệu lực hạn mức
- e. Đồng tiền cho vay, trả nợ: Việt Nam đồng
- f. Mục đích sử dụng vốn vay:
 - ☐ Thanh toán tiền mua sắm trang thiết bị, nội thất, vật dụng dùng trong gia đình.
 - ☐ Thanh toán tiền học phí
 - ☐ Thanh toán tiền sinh hoạt phí
 - ☐ Chi trả tiền du lịch
 - ☐ Thanh toán tiền khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe
 - ☐ Tiêu dùng khác

Bên Vay có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và BVBank về mục đích sử dụng vốn vay của mình.

- g. Biện pháp bảo đảm: quy định tại Điều Khoản và Điều Kiện vay hạn mức tiêu dùng linh hoạt dành cho Khách hàng cá nhân.
- h. Sử dụng HMTD:
 - Bên Vay được sử dụng HMTD thông qua tài khoản thanh toán số [...] mở tại BVBank (sau đây gọi là “Tài khoản sử dụng hạn mức”).
 - Mỗi lần Bên Vay sử dụng HMTD được hiểu là Bên Vay rút vốn từ HMTD được cấp. Giấy đề nghị, Xác nhận chấp thuận này chính là xác nhận nhận nợ của Bên Vay và Các Bên không phải ký kết thêm bất kỳ thỏa thuận cho vay cụ thể nào hoặc Giấy nhận nợ nào khác đối với mỗi lần rút vốn của Bên Vay.
 - Giao dịch sử dụng HMTD: Bên vay được thực hiện giao dịch thanh toán trên Tài khoản sử dụng hạn mức phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.
 - Phương thức thực hiện: Thực hiện yêu cầu tại quầy hoặc trên các kênh thanh toán điện tử.
 - HMTD khả dụng trên Tài khoản sử dụng hạn mức sẽ bằng (=) HMTD trừ đi (-) tổng dư nợ sử dụng. HMTD khả dụng sẽ tự động khôi phục tương ứng với số tiền mà Bên Vay thanh toán dư nợ vay trong kỳ thanh toán.
- i. Lãi suất cho vay trong hạn: [...]%/năm
- j. Phí: Theo biểu phí hiện hành của BVBank
- k. Ngày sao kê dư nợ: ngày [...] hàng tháng.
- l. Ngày đến hạn thanh toán: ngày [...] hàng tháng.
- m. Số tiền thanh toán: thanh toán tối thiểu hoặc thanh toán toàn bộ dư nợ phát sinh.

¹² Đối với Vay hạn mức linh hoạt, sử dụng mẫu Xác nhận chấp thuận này của BVBank

2. **Các nội dung chấp thuận khác¹³:** Bên Vay phải thực hiện thủ tục tất toán toàn bộ khoản vay theo Xác nhận chấp thuận này trước hoặc đồng thời với việc Bên Vay thực hiện tất toán hoặc bị BVBank thu hồi nợ trước hạn đối với bất kỳ khoản vay nào khác tại BVBank, trừ trường hợp BVBank có thông báo hoặc quy định khác.
3. Các nội dung khác liên quan tới khoản vay của Bên Vay không được đề cập tại Giấy Đề nghị và Xác nhận chấp thuận này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân.

Ngày:

Đại diện BVBank

(Ký, Ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹³ Bổ sung các nội dung khác theo phê duyệt (nếu có). Xóa footnote này sau khi hoàn tất dự thảo.